

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Nguyễn Sỹ Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1991

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Trương Ngọc C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và lời trình bày của nguyên đơn chị Phan Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh Trương Ngọc C kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Trương Băng B, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Trương Ngọc D, sinh ngày 20/6/2015. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Trương Ngọc C là sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cả hai không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, hiện nay chị đã dẫn các con chung về nhà mẹ ruột ở. Do đó, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về tình cảm: Xin ly hôn với anh Trương Ngọc C; về con chung: Chị yêu cầu nuôi dưỡng hai cháu Trương Băng B và Trương Ngọc D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đối với anh Trương Ngọc C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C không hợp tác.

Theo ý kiến trình bày của cháu Trương Băng B và Trương Ngọc D thì nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trương Ngọc C.

Về con chung: Giao cháu Trương Băng B, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Trương Ngọc D, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có;

Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trương Ngọc C, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Trương Ngọc C kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến chị T đã dẫn hai con chung về nhà mẹ ruột ở, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, trong thời gian ly thân cả hai không tìm được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn.

Anh Trương Ngọc C đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không trình bày ý kiến và đưa ra các tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, HĐXX căn cứ những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thì do không nhờ Ban tự quản thôn hòa giải khi có mâu thuẫn nên Ban tự quản thôn không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên hiện tại việc chị T đã dẫn hai con chung về nhà mẹ ruột ở là đúng sự thật.

Nhận thấy, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T, xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trương Ngọc C là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị T có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu Trương Băng B và Trương Ngọc D, đây cũng là nguyện vọng các cháu; chị T hiện là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian sống ly thân, do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T, giao các con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí DSST: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trương Ngọc C.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Băng B, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Trương Ngọc D, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006032 ngày 04/10/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Mạnh
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung

